

## PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU

**Đỗ Thị Hòa Nhã\***, Nguyễn Thị Thu Hà

*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Bài nghiên cứu sử dụng mô hình trọng lực mở rộng và dữ liệu mảng để phân tích các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam, nước đang phát triển, sang EU, thị trường phát triển cao, trong giai đoạn 2005-2016. Kết quả ước lượng mô hình chỉ ra rằng các yếu tố: GDP bình quân đầu người, dân số, chất lượng thể chế và việc gia nhập WTO có tác động cùng chiều, trong khi đó, khoảng cách địa lý, khoảng cách công nghệ có tác động ngược chiều tới kim ngạch xuất khẩu nông sản. Từ đó, bài nghiên cứu đã đề xuất một số gợi ý giải pháp để phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực nhằm đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang thị trường EU trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khóa:** *Xuất khẩu nông sản, Việt Nam, thị trường EU, dữ liệu mảng, mô hình trọng lực mở rộng.*

*Ngày nhận bài: 25/02/2019; Ngày hoàn thiện: 19/3/2019; Ngày duyệt đăng: 22/3/2019*

## ANALYSIS OF VIETNAM'S AGRICULTURAL EXPORTS TO THE EU MARKET

**Do Thi Hoa Nha\***, Nguyen Thi Thu Ha

*TNU- University of Economics and Business Administration*

### ABSTRACT

The paper employs the extended gravity model and panel data set to analyze the factors affecting Vietnam's agricultural exports, a developing country, to EU, the developed market for the period of 2005-2016. Our empirical results based on the gravity equation show that while the factors: GDP per capita, population, the institutional quality and the dummy "WTO" have a positive impact, whereas the gap geography, technology gap has an impeding impact agricultural exports. Based on these results, the paper suggests some solutions to boost agricultural exports to the EU market.

**Key words:** *Agricultural Export, Vietnam, the EU market, panel data, the extended gravity model.*

*Received: 25/02/2019; Revised: 19/3/2019; Approved: 22/3/2019*

\* Corresponding author: *Tel: 0987.356.738; Email: thaitue102@gmail.com*

## MỞ ĐẦU

Trong nhiều năm qua, nông sản là nhóm hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam sang thị trường EU. EU luôn giữ vững vị trí là thị trường nhập khẩu nông sản lớn thứ ba của VN. Giai đoạn 2005- 2016, kim ngạch xuất khẩu nông sản (KNXKNS) sang EU có vị trí đáng kể trong cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của nước ta, riêng năm 2016 chiếm xấp xỉ 9% KNXKNS<sup>1</sup>[1], đóng góp vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy vậy, vị trí của nông sản Việt Nam tại thị trường EU còn tương đối khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển giữa hai bên. Do vậy, việc phân tích các yếu tố có tác động tới xuất khẩu nông sản (XKNS) của Việt Nam sang thị trường EU trong giai đoạn hiện nay, thời điểm Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) sắp chính thức có hiệu lực là rất cần thiết.

Những năm gần đây, mô hình trọng lực là công cụ phổ biến được sử dụng để lượng hóa tác động của các yếu tố tới quy mô dòng thương mại quốc tế. Tinbergen (1962) [2] và Poyhonen (1963) [3] là các nhà nghiên cứu đầu tiên ứng dụng mô hình này trong phân tích. Từ nửa sau thập kỷ 70 của thế kỷ XX trở lại đây, đã có rất nhiều nghiên cứu tập trung cung cấp nền tảng lý thuyết và thực nghiệm cho mô hình.

Để giải quyết vấn đề nghiên cứu, bài viết này đã ứng dụng mô hình trọng lực mở rộng để phân tích các yếu tố tác động đến XKNS Việt Nam vào thị trường EU. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực, từ đó đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Mô hình trọng lực

Mô hình trọng lực ứng dụng định luật vạn vật hấp dẫn của Newton, nhà vật lý nổi tiếng người Anh, đó là: Lực hấp dẫn giữa hai vật

thê có tỷ lệ thuận với khối lượng của chúng và tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách giữa chúng.

Tinbergen (1962) [2] và Poyhonen (1963) [3] là các nhà nghiên cứu đầu tiên ứng dụng mô hình (MH) này. Do Tri Thai (2006) [4] trích dẫn từ nghiên cứu của Krugman và cộng sự (2005) cho thấy mô hình trọng lực tổng quát ứng dụng trong thương mại 2 chiều có dạng như sau:

$$T_{ij} = A \frac{Y_i Y_j}{D_{ij}} \quad (1)$$

trong đó:

$A$  là hằng số

$T_{ij}$  là quy mô dòng thương mại quốc tế giữa quốc gia  $i$  và  $j$ .  $T_{ij}$  có thể là kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu hoặc tổng thương mại hai chiều.

$Y_i$  và  $Y_j$  là quy mô kinh tế của 2 quốc gia  $i$  và  $j$  ( $Y$  thường là GDP hoặc GNP). Do quy mô các nền kinh tế càng lớn thì trao đổi thương mại giữa các quốc gia càng phát triển nên hệ số này thường được kỳ vọng có tác động cùng chiều tới  $T_{ij}$ .

$D_{ij}$  là khoảng cách địa lý giữa 2 quốc gia  $i$  và  $j$  và đại diện cho chi phí vận chuyển. Do khoảng cách giữa các quốc gia càng lớn thì chi phí vận chuyển càng cao nên hệ số này được kỳ vọng có tác động ngược chiều tới  $T_{ij}$ .

Ban đầu, mô hình trọng lực bị nhiều nhà kinh tế phê phán do thiếu nền tảng lý thuyết. Kể từ nửa sau thập kỷ 70 của thế kỷ XX, đã có rất nhiều nghiên cứu tập trung “lấp đầy khoảng trống” này. Trích dẫn của Rahman (2003) [5] từ phân tích của Evenett và Keller (1998) cho thấy, phần lớn các nhà kinh tế đều xây dựng phương trình trọng lực từ nền tảng 3 lý thuyết thương mại quốc tế chính là lý thuyết Ricardo, lý thuyết H-O và lý thuyết thương mại mới. Một số tác giả tiêu biểu là: Linneman (1966), Anderson (1979), Bergtrad (1985), Bergtrad (1989), Eaton và Kortum (1997), Deardorff (1998) và Mathur (1999) [6].

<sup>1</sup> Các dữ liệu về hoạt động thương mại quốc tế do UN Comtrade cung cấp mới cập nhật đến năm 2016

Các nghiên cứu không chỉ cung cấp nền tảng lý thuyết mà còn bổ sung nhiều biến độc lập mới cho MH. Một số yếu tố phổ biến là: GDP bình quân đầu người (đại diện cho thu nhập người tiêu dùng hoặc sự dồi dào của tư bản), tỷ giá hối đoái (đại diện cho giá bán sản phẩm), độ mở của nền kinh tế, “tham gia Hiệp định Thương mại Tự do”, v.v... Đặc biệt, nhiều phân tích tập trung nghiên cứu các yếu tố tác động đến xuất khẩu từ các nước đang phát triển sang các nước phát triển. Chẳng hạn, Eyayu (2014) [7] phân tích số lượng đầu vào sản xuất và chất lượng thể chế nước xuất khẩu; Filippini và cộng sự (2003) [8] phân tích tác động của “khoảng cách công nghệ”,

một số tác giả nghiên cứu ảnh hưởng của “khoảng cách kinh tế”.

Để phản ánh rõ hơn hơn tác động của các yếu tố tới KNXK, nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở Việt Nam như: Do Tri Thai (2006) [4], Từ Thúy Anh và cộng sự (2008) [9], Đỗ Thị Hòa Nhã [6]... thường sử dụng kỹ thuật gộp biến (phổ biến là nhân yếu tố của nước xuất khẩu với yếu tố tương ứng của nước nhập khẩu).

Tuy vậy, chưa có tác giả nào sử dụng tất cả các yếu tố trên trong mô hình. Xuất phát từ lý do đó, bài nghiên cứu đề xuất mô hình trọng lực mở rộng để phân tích các yếu tố tác động đến XKNS của Việt Nam, nước đang phát triển, sang EU, thị trường phát triển cao như sau:

$$\ln(EX_{ijt}) = b_0 + b_1 \ln(PGDP_{it} / PGDP_{jt}) + b_2 \ln(POP_{it} / POP_{jt}) + b_3 \ln(DIST_{ij}) + b_4 \ln(AGRIAREA_{it} / AGRIAREA_{jt}) + b_5 \ln(INST_{it} / INST_{jt}) + b_6 TECHDIST_{ijt} + b_7 WTO + u_{ijt} \quad (2)$$

trong đó:  $i$ : Nước xuất khẩu (Việt Nam);  $j$  ( $j = 1, 2 \dots 26$ ): Nước nhập khẩu (thành viên EU)<sup>2</sup>;  $t = 2005, 2006, \dots, 2015, 2016$ ;  $EX_{ijt}$ : KNXKNS từ nước  $i$  sang nước  $j$  năm  $t$ ;  $PGDP_{it}, PGDP_{jt}$ : GDP bình quân đầu người nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ ;  $POP_{it}, POP_{jt}$ : Dân số của nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ ;  $DIST_{ij}$ : Khoảng cách địa lý giữa nước  $i$  và nước  $j$ ;  $AGRIAREA_{it}$  và  $AGRIAREA_{jt}$ : Tỷ trọng đất nông nghiệp của nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ ;  $INST_{it}$  và  $INST_{jt}$ : Chất lượng thể chế của nước  $i$  và nước  $j$  năm  $t$ .  $TECHDIST_{ijt}$ : Khoảng cách công nghệ giữa nước  $i$  và nước  $j$  trong năm  $t^3$ ;  $WTO$ : Biến giả được sử dụng trong mô hình để đánh giá tác động của việc gia nhập WTO đến KNXKNS ( $WTO = 1$  nếu nước  $i$  và  $j$  đã tham gia WTO, ngược lại,  $WTO = 0$ ),  $u_{ijt}$ : Sai số của mô hình.

Giả thuyết nghiên cứu: Đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU là tính bổ sung cao, ít cạnh tranh, trong đó nông sản là mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam sang thị trường EU. Vì vậy, bài nghiên cứu kỳ vọng các yếu tố:  $PGDP$ ,  $POP$ ,  $AGRIAREA$ ,  $INST$ ,  $WTO$  có tác động cùng chiều tới KNXKNS. Nguyên nhân là vì các yếu tố này càng tăng thì sự dồi dào của các yếu tố đầu vào trong sản xuất ( $PGDP$ ,  $POP$ ,  $AGRIAREA$ ), sự tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế ( $INST$ ,  $WTO$ ) sẽ gia tăng, kích thích xuất khẩu.

Ngược lại, các yếu tố:  $DIST$ ,  $TECHDIST$  được kỳ vọng có tác động ngược chiều tới KNXKNS bởi vì  $DIST$ ,  $TECHDIST$  càng tăng thì chi phí vận chuyển, khoảng cách công nghệ giữa hai quốc gia càng lớn, tác động càng tiêu cực tới hoạt động xuất khẩu.

<sup>2</sup> Bài nghiên cứu không xem xét 2 thành viên EU là Croatia và Luxembourg, bởi vì Croatia mới gia nhập vào EU năm 2014, còn nước Luxembourg có trao đổi thương mại không đáng kể với Việt Nam. Tuy nhiên, Anh vẫn được phân tích vì đến hiện tại, nước này vẫn chưa chính thức rời khỏi EU.

<sup>3</sup> Do một số giá trị khoảng cách công nghệ nhận kết quả trong khoảng (0,1) nên mô hình không lấy ln hóa đối với hệ số này.

### Nguồn dữ liệu của mô hình

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp. Các dữ liệu về: kim ngạch xuất khẩu, tổng sản phẩm quốc nội, dân số, tỷ trọng đất nông nghiệp được khai thác và tính toán từ World Bank [1]. Các dữ liệu: chất lượng thể chế, khoảng cách công nghệ được tính toán từ báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) [10]. Thông tin về khoảng cách địa lý được khai thác từ website: <http://www.timeanddate.com> [11].

### Phương pháp kiểm định và ước lượng mô hình

Quá trình kiểm định và ước lượng MH được thực hiện thông qua phần mềm Stata 11 với các bước sau:

**Bước 1:** Lựa chọn loại MH phù hợp. Trước hết, nghiên cứu sử dụng kiểm định Breusch-Pagan Lagrange (LM) để lựa chọn giữa mô hình OLS và MH hiệu ứng mảng. Nếu MH hiệu ứng mảng được lựa chọn, nghiên cứu tiếp tục sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn giữa MH hiệu ứng cố định (FEM) và MH hiệu ứng ngẫu nhiên (REM).

**Bước 2:** Sử dụng kiểm định phù hợp để phát hiện và khắc phục các khuyết tật của mô hình.

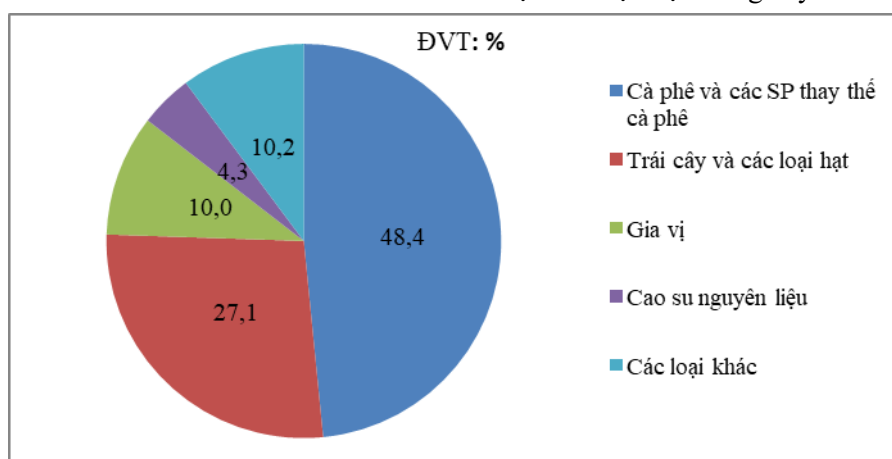
**Bước 3:** Xác định các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới KNXKNS.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### Khái quát về hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU

Thị trường EU hiện là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ sau Trung Quốc. Giai đoạn 2005-2016, kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng gấp 5,538 lần, từ mức 8,144 tỷ USD năm 2005 lên 45,11 tỷ USD năm 2016. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,91%. EU cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, là điểm đến của 19,25% KNXK của Việt Nam năm 2016 (chỉ sau Hoa Kỳ). Liên tục nhiều năm qua, Việt Nam đóng vai trò nước xuất siêu.

Đặc biệt, nông sản là nhóm hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam vào thị trường này. Thời kỳ nghiên cứu, KNXKNS đã tăng gấp 3,78 lần, từ mức 669 triệu USD năm 2005 lên 2,916 tỷ USD năm 2016. Tốc độ tăng trưởng bình quân là 14,32%. Trong cơ cấu hàng xuất khẩu, nhiều nông sản có vị trí khá vững chắc tại thị trường EU (hình 1). Năm 2016, thị phần các nông sản chính xuất khẩu sang thị trường EU là: cà phê (48,4%), trái cây và các loại hạt (27,1%), gia vị (10%), và cao su nguyên liệu (4,3%). Chỉ riêng 4 nhóm hàng này đã chiếm xấp xỉ 90% KNXKNS của Việt Nam tại thị trường này.



Hình 1. Thị phần xuất khẩu một số nông sản chính của Việt Nam tại thị trường EU năm 2016.

(Nguồn: Tính toán của tác giả từ UN Comtrade)

Tuy vậy, vị trí của nông sản Việt Nam tại thị trường EU còn tương đối khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển giữa hai bên. Năm 2016, nhóm hàng này mới chiếm 0,52% thị phần nhập khẩu nông sản của EU. Mặt khác, KNXKNS có sự chênh lệch khá lớn giữa các nước thành viên EU. Số liệu năm 2016 cho thấy, thị phần nhập khẩu của một số đối tác lớn là: Đức (25,83%), Hà Lan (20%), Italia (11,04%), Tây Ban Nha (10,22%), Anh (9,83%), Bỉ (7,41%), Pháp (5,91%), Ba Lan (2,51%). Chỉ riêng các nước này đã chiếm xấp xỉ 93%. Nói cách khác, thị trường EU còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác.

Như vậy, tuy đã có sự tăng trưởng nhất định nhưng hoạt động XKNS của Việt Nam vào thị trường EU vẫn còn một số bất cập: thị phần còn thấp, cơ cấu mặt hàng và thị trường xuất khẩu còn bị mất cân đối lớn.

**Kết quả kiểm định và ước lượng mô hình**

**Kết quả kiểm định mô hình**

*Bước 1:* Kiểm định lựa chọn loại mô hình. Kết quả kiểm định LM và Hausman cho kết quả là mô hình REM được lựa chọn. Kết quả ước lượng mô hình REM cũng cho thấy, giá trị p-value = 0,0000 nên MH có ý nghĩa (giả thuyết H<sub>0</sub>: các hệ số hồi quy bằng 0 bị bác bỏ).

*Bước 2:* Kiểm định các khuyết tật cơ bản. Kết quả cho thấy mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi và hiện tượng tự tương

quan. Để khắc phục đồng thời cả 2 hiện tượng trên, nghiên cứu sử dụng kiểm định “sai số chuẩn mạnh theo nhóm”.

**Kết quả ước lượng mô hình và một số gợi ý giải pháp**

Tổng số biến của mô hình là 8 biến (biến phụ thuộc và 7 biến độc lập); tổng số quan sát là: 312 (bài báo nghiên cứu 26 nước thành viên EU trong giai đoạn 12 năm, do vậy tổng số quan sát = 26 nước x 12 năm = 312).

Kết quả ước lượng mô hình (sau khi đã khắc phục các khuyết tật) được thể hiện trong bảng 1.

Kết quả cho thấy, hệ số R<sup>2</sup> = 0,612, tức là mô hình giải thích được 61,2% các yếu tố tác động đến KNXKNS. Những yếu tố tác động có ý nghĩa thống kê tới KNXKNS là: GDP bình quân đầu người, dân số, khoảng cách địa lý, chất lượng thể chế, khoảng cách công nghệ và việc tham gia vào WTO. Cụ thể:

Thứ nhất, GDP bình quân đầu người gộp có tác động cùng chiều tới KNXKNS. Khi hệ số này tăng 1% thì KNXKNS tăng 0,578%. Kết quả này phù hợp với giả thuyết nghiên cứu.

Dưới khía cạnh đại diện cho nguồn lực đầu vào, giải pháp tương ứng là nước ta cần tiếp tục tăng cường đầu tư vốn vào ngành nông nghiệp.

Với ý nghĩa đại diện cho thu nhập, kết quả này phản ánh khi thu nhập người tiêu dùng tăng thì KNXKNS cũng gia tăng.

**Bảng 1. Kết quả ước lượng mô hình REM**

Biến	Hệ số hồi quy	Kiểm định z	Giá trị p
Hệ số chặn	-17,181	- 3,79	0,000***
Ln (PGDP <sub>it</sub> *GDP <sub>it</sub> )	0,578	4,08	0,000***
Ln (POP <sub>it</sub> *POP <sub>it</sub> )	1,136	5,64	0,000***
Ln (DIST <sub>ij</sub> )	- 0,494	- 2,30	0,021**
Ln (AGRIAREA <sub>it</sub> * AGRIAREA <sub>jt</sub> )	- 0,518	- 0,89	0,375
Ln (INST <sub>it</sub> *INST <sub>jt</sub> )	0,348	0,55	0,058*
TECHGAP <sub>ijt</sub>	- 0,176	1,19	0,023**
WTO	0,267	1,84	0,065*
Biến phụ thuộc: LN (EX <sub>ijt</sub> )			
Số quan sát: 312			
Số lượng nhóm: 26			
Hệ số xác định của mô hình: 0,612			

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* tương ứng với các mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,1; 0,05; 0,01

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ phần mềm Stata 11)

*Thứ hai*, dân số gộp có tác động cùng chiều tới KNXKNS. Khi hệ số này tăng 1% thì KNXKNS tăng 1,136%. Đây là yếu tố tác động mạnh nhất tới KNXKNS giai đoạn nghiên cứu. Kết quả này khá logic bởi vì dân số đại diện cho cả quy mô thị trường và quy mô lao động.

Xem xét dưới góc độ nguồn lực đầu vào: Hiện tại, lực lượng lao động nước ta tương đối dồi dào, ổn định nhưng phần lớn vẫn chưa được đào tạo nghề, chỉ có kinh nghiệm làm việc thực tế. Do vậy, lực lượng này rất khó tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học mới vào sản xuất nông nghiệp [6]. Giải pháp tương ứng là nước ta cần đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn lực này.

Xem xét tác động của dân số dưới khía cạnh người tiêu dùng, Việt Nam cần tiếp tục mở rộng quy mô thị trường bởi hoạt động XKNS hiện đang bị mất cân đối khá lớn giữa các quốc gia.

*Thứ ba*, khoảng cách địa lý có tác động ngược chiều tới KNXKNS. Kết quả này phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước đây và tái khẳng định tầm quan trọng của việc giảm chi phí vận chuyển trong hoạt động XKNS bởi vì chi phí vận chuyển hàng hóa của nước ta hiện nay khá lớn [6]. Mặt khác, hàng nông sản thường trọng lượng lớn, trong khi giá cả lại không cao.

*Thứ tư*, chất lượng thể chế có tác động cùng chiều tới KNXKNS. Khi hệ số này tăng 1% thì KNXKNS tăng 0,348%. Chất lượng thể chế là yếu tố tác động mạnh tới KNXKNS bởi vì có ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ rõ chất lượng thể chế nước ta hiện nay chưa có những thay đổi mang tính đột phá như: Tiếng nói của người dân chưa được quan tâm đúng mức và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước chưa phù hợp; chất lượng chính sách và năng lực điều hành của cơ quan nhà nước kém cải thiện; mức độ thực thi pháp luật, tuân thủ chế độ pháp quyền chưa cao; tính công khai minh bạch của chính sách còn thấp... [12].

Trong thực tế, chất lượng thể chế cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho EU chưa công nhận nền kinh tế thị trường đầy đủ cho Việt Nam. Điều này tác động khá lớn đến XKNS của Việt Nam. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã nhiều lần bị EU điều tra chống bán phá giá. Trong những cuộc điều tra này, Việt Nam gặp bất lợi lớn vì vấn đề kinh tế phi thị trường có tác động mạnh tới quá trình tính toán biên độ phá giá do EU sẽ lựa chọn nước thứ ba để tính giá hàng hóa. Cách tính này không chính xác và công bằng cho Việt Nam bởi vì các quốc gia có điều kiện tự nhiên - xã hội khác nhau do vậy chi phí sản xuất cũng không giống nhau.

Do vậy, nếu chất lượng thể chế của Việt Nam được cải thiện sẽ có tác động kép thúc đẩy hoạt động XKNS của Việt Nam sang thị trường EU.

*Thứ năm*, khoảng cách công nghệ có tác động ngược chiều tới KNXKNS. Nếu hệ số này tăng 1 đơn vị thì KNXKNS sẽ giảm  $|e^{-0,176} - 1|$ , tương đương 0,161 đơn vị. Kết quả này tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào ngành nông nghiệp nhằm giảm khoảng cách công nghệ với các nước EU.

*Thứ sáu*, việc gia nhập WTO sẽ tác động tích cực tới KNXKNS. Nếu tham gia vào tổ chức này sẽ làm KNXKNS tăng  $(e^{0,267} - 1)$ , tương đương 30% so với trước đây. Việt Nam đã có những hội nhập khá sâu rộng vào chuỗi liên kết kinh tế toàn cầu như: là thành viên của WTO và nhiều Hiệp định Thương mại Khu vực. Hiệp định EVFTA cũng sắp có hiệu lực thực thi. Do vậy, việc khai thác tốt lợi thế này là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh XKNS sang thị trường EU.

## KẾT LUẬN

Sau khi sử dụng MH trọng lực để phân tích các yếu tố tác động đến XKNS của Việt Nam sang thị trường EU trong giai đoạn 2005-2016, kết quả ước lượng mô cho thấy, các yếu

tổ: GDP bình quân đầu người, dân số, chất lượng thể chế và việc gia nhập WTO có tác động cùng chiều tới KNXKNS. Trong khi đó, các yếu tố: khoảng cách địa lý, khoảng cách công nghệ có tác động ngược chiều tới KNXKNS. Những kết quả này đều phù hợp với giả thuyết nghiên cứu.

Từ đó, bài nghiên cứu đề xuất một số gợi ý giải pháp nhằm đẩy mạnh XKNS từ Việt Nam sang thị trường EU. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, cần tập trung nâng cao sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp Việt Nam thông qua một số giải pháp: tăng cường đầu tư vốn vào ngành nông nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn lao động, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa, tích cực ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong sản xuất kinh doanh.

*Thứ hai*, tích cực nâng cao chất lượng thể chế. Cụ thể là cải thiện chất lượng chính sách và năng lực điều hành của cơ quan Nhà nước. Giải pháp này còn là đòn bẩy giúp EU công nhận nền kinh tế thị trường đầy đủ cho Việt Nam. Như vậy, nâng cao chất lượng thể chế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế nói chung và hoạt động XKNS của Việt Nam sang thị trường EU.

*Thứ ba*, khai thác tối đa những lợi ích mà WTO và rộng hơn là tự do hóa thương mại mang lại cho hoạt động xuất khẩu nông sản. Hiệp định EVFTA đã sắp chính thức có hiệu lực thực thi. Do vậy, Chính phủ, DN xuất khẩu cần đặc biệt quan tâm các cam kết của Hiệp định, từ đó có có chiến lược khai thác tối đa những lợi ích mà Hiệp định mang lại cho XKNS.

*Thứ tư*, tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường xuất khẩu còn nhiều tiềm năng của EU. Hiện tại, KNXKNS vào nhiều thành viên EU còn rất thấp. Vì thế, đẩy mạnh XKNS sang những nước này cũng là giải pháp hiệu quả để tăng KXNKNS.

*Bài báo này là sản phẩm của đề tài cấp Đại học 2017 “Các yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào thị trường EU – Cách tiếp cận từ mô hình trọng lực”. Mã số: ĐH 2017 - TN08 – 02.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cơ sở Thống kê dữ liệu Thương mại tiêu dùng của Liên Hợp Quốc, <https://wits.worldbank.org/WITS/WITS/Restricted/Login.aspx>, truy cập ngày 10/10/2018.
- [2]. Timbergen, *Shaping the World Economy: Suggestions for an International Economics Policy*, New York: Twentieth Century Fund, 1962.
- [3]. Poyhonen P., “A tentative Model for the volume of Trade between Countries”, *Weltwirtschaftliches Archiv*, 90, pp. 93 – 99, 1963.
- [4]. Do Tri Thai, *A gravity model for trade between Vietnam and twenty-three European countries*, Dalarna University, School of Technology and Business Studies, Economics, 2006.
- [5]. Rahman M.M., *A panel data analysis of Bangladesh' trade: the gravity model approach*, University of Sydney, 2003.
- [6]. Đỗ Thị Hòa Nhã, *Các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản Việt Nam vào thị trường EU*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Thái Nguyên, 2018.
- [7]. Eyayu, “Determinants of Agricultural Export in Sub-Saharan Africa: Evidence from Panel Study”, *American Journal of Trade and Policy*, 1(3), pp.13-22, 2014.
- [8]. Filippini C., Moloni V., “The determinants of East Asian trade flows: a gravity equation approach”, *Journal of Asian Economics*, 14, pp.695-711, 2003.
- [9]. Từ Thúy Anh, Đào Nguyên Thắng, “Các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với Asean+3”, *Bài nghiên cứu NC-05/2008*, Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
- [10]. Diễn đàn kinh tế thế giới, Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu giai đoạn 2005-2016.
- [11]. <http://www.timeanddate.com>, truy cập ngày 03 tháng 12 năm 2018.
- [12]. <http://luatsungaynay.vn/news/Thoi-su-trong-nuoc/Chat-luong-the-che-quyet-dinh-nang-luc-canh-tranh-688/>, truy cập ngày 03 tháng 12 năm 2018.

